

Số: /KH- THSL

Sa Lông, ngày 15 tháng 4 năm 2023

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2024 (NĂM HỌC 2024- 2025)

Thực hiện công văn số 699/SGDDĐT-KHTC ngày 27/3/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2024 (năm học 2024-2025);

Căn cứ công văn số 250/PGDDĐT -KHTC ngày 30/3/2023 của Phòng GD&ĐT Mường Chà v/v Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2024 (năm học 2024-2025);

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, Trường PTDTBT TH Sa Lông xây dựng kế hoạch phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm 2024 (năm học 2024-2025) theo nội dung như sau:

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2022 (năm học 2022-2023)

I. Đánh giá chung tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

1. Về điều kiện tự nhiên.

Trường PTDTBT TH Sa Lông nằm trên trục đường quốc lộ 12 đi Mường Lay. Giao thông đi lại tương đối thuận tiện.

- Tổng diện tích: 5.789 m². Trong đó:

+ Trung tâm: 2040 m²

+ Điểm trường Pu Ca: 591 m²

+ Điểm trường Háng Là: 774,6 m²

+ Điểm trường Cổng Trời: 454,4 m²

+ Điểm trường Chiêu Ly: 1600 m²

+ Điểm trường Thèn Pả: 329,3 m²

- Phía Đông: Giáp nhà dân ở bản Sa Lông 1 .

- Phía Tây: Giáp trường Mầm Non Sa Lông.

- Phía Nam: Giáp đồi

- Phía Bắc: Giáp trục đường quốc lộ 12 đi qua và nhà dân ở bản Sa Lông 1 .

2. Tình hình kinh tế - xã hội.

Trường PTDTBT TH Sa Lông đóng ở trung tâm xã Sa Lông, đường sá đi lại khó khăn, trình độ dân trí thấp, hoàn cảnh kinh tế xã hội trên địa bàn xã còn khó khăn, còn nhiều hộ nghèo và cận nghèo, một bộ phận nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về việc học hành của con em nên chưa quan tâm đúng mức đến việc học tập của con em mình. Tuy nhiên được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng và chính

quyền địa phương đến công tác giáo dục, Nghị quyết Đảng bộ xã đã xác định ưu tiên nhiệm vụ phát triển Giáo dục và Đào tạo của địa phương giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 theo mục tiêu chương trình chuẩn nông thôn mới.

3. Tình hình chung về giáo dục phổ thông của địa phương.

Trường PTDTBT TH Sa Lông là đơn vị được công nhận đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 1 năm 2017 và được công nhận lại vào tháng 1 năm 2022. Với bề dày thành tích toàn diện trên nhiều lĩnh vực từ dạy và học đến các hoạt động giáo dục khác, nhà trường đã góp phần không nhỏ để xây dựng bảng thành tích giáo dục chung của huyện nhà.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển sự nghiệp giáo dục, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đặc biệt là Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Mường Chà, sự quan tâm của các bậc phụ huynh học sinh và nhân dân trên địa bàn xã.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, thực hiện tốt quy chế của ngành, nội qui của trường. Trường có bề dày về thành tích trong giảng dạy, học tập, đội ngũ giáo viên nhiệt tình, tâm huyết với nghề nghiệp.

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phục vụ cho dạy và học đã được bổ sung tương đối đầy đủ.

Trong thời gian qua nhà trường đã thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của Bộ giáo dục đào tạo, Sở và Phòng về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để bảo đảm chất lượng dạy và học, tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đã chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch năm học linh hoạt, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho học sinh, tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục học sinh đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục 2018.

II. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022 (năm học 2022-2023)

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

1.1. Hệ thống trường, lớp học.

Trường PTDTBT TH Sa Lông có 20 lớp với 470 học sinh. Là trường hạng 1;

1.2. Quy mô học sinh, tỷ lệ huy động.

Trường có 20 lớp với 470 học sinh, bình quân 23.5 HS/lớp. Hàng năm nhà trường đều huy động đạt 100% số học sinh trong độ tuổi đến lớp. Tuyển mới học sinh lớp 1 đạt 100% số trẻ 6 tuổi trên địa bàn xã.

Công tác duy trì sĩ số học sinh các năm học đều đạt 100% số học sinh cuối năm, không có học sinh bỏ học giữa chừng. Các lớp chủ nhiệm đều duy trì tốt số lượng học sinh đi học chuyên cần.

1.3. Việc thực hiện các chỉ tiêu giáo dục

- Tỷ lệ học sinh lớp 1 ra lớp: 98/98 em, đạt 100%.

- Tỷ lệ HS độ tuổi 6-10 tuổi ra lớp: 372/372 em, đạt 100%.
- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn: 29/31, đạt 93.5%.
- Trường đạt các điều kiện tối thiểu để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- Trường đạt trường Chuẩn Quốc gia mức độ 1; đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2022-2023

2.1. Đối với các nhóm nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022-2023

** Tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao một bước hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.*

Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý trong giáo dục và quản trị nhà trường, coi trọng quản lý chất lượng, hiệu quả quản trị nhà trường; tăng cường phân cấp, ủy quyền; thực hiện tự chủ và trách nhiệm giải trình; phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục, đào tạo và các địa phương.

Tiếp tục rà soát, đẩy nhanh kiện toàn Hội đồng trường đúng quy định về số lượng, chất lượng, cơ cấu và thành phần, thúc đẩy tự chủ gắn với trách nhiệm; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục, quản trị nhà trường.

Nhà trường đã thực hiện tốt việc hoàn thiện các thể chế và nâng cao một bước hiệu quả quản lý nhà nước về chất lượng giáo dục tại trường. Đổi mới trong công tác quản lý, tích cực bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên trong trường; Chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện tốt công tác sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; quản lý tốt việc cấp phát, sử dụng tài sản trong Nhà trường; thường xuyên kiểm tra việc sử dụng tài sản ở 20/20 lớp; Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ năm học 2022-2023, kịp thời chỉ đạo đội ngũ khắc phục những tồn tại hạn chế trong việc thực hiện công tác giáo dục.

** Nâng cao chất lượng giáo dục*

Nhà trường chỉ đạo thực hiện dạy chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2,3 theo Thông tư 32/2018/BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018. Số HS lớp 1: 06 lớp với 98 em; lớp 2: 5 lớp với 86 em; lớp 3: 3 lớp với 108 em. Giáo viên cơ bản nắm chắc phương pháp, hình thức tổ chức lớp học phong phú, hiệu quả, tích cực khai thác các học liệu trên trang hanhtrangso.com.vn và trang LMS của Bộ GD&ĐT để đưa vào bài giảng.

Luôn chú trọng thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, các nội dung giảng dạy tích hợp, dạy tự chọn, xây dựng chuyên đề giải quyết những khó khăn vướng mắc trong chuyên môn.

Đa dạng hóa các hình thức học tập, chú ý các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; sử dụng các hình thức dạy học trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông như: dạy học trực tuyến... Ngoài

việc tổ chức cho học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập ở trên lớp, cần coi trọng giao nhiệm vụ và hướng dẫn học sinh học tập ở nhà, ở ngoài nhà trường.

Tiếp tục thực hiện việc đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới công tác kiểm tra đánh giá chất lượng học tập của học sinh theo tinh thần được triển khai ở các lớp bồi dưỡng do Sở GD-ĐT, PGD-ĐT tổ chức nhất là tập trung theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh..

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày: 20/20 lớp; 100% học sinh tham gia học tập và chất lượng năm sau cao hơn năm trước.

- Tổ chức các buổi giao lưu và hoạt động trải nghiệm phong phú đa dạng tạo ra một sân chơi bổ ích, môi trường đoàn kết và thân thiện giúp học sinh mạnh dạn tự tin nhằm thu hút học sinh đến trường.

- Trường có 04 học sinh khuyết tật hòa nhập nhà trường đã tạo cho học sinh có môi trường học tập hòa nhập thân thiện không mặc cảm trong cuộc sống, cơ bản các em có khả năng hòa nhập trong một số hoạt động.

- Chỉ đạo giáo viên thực hiện dạy tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc qua các môn học và hoạt động giáo dục. Quan tâm đặc biệt đến 2 tuần đầu năm học đối với học sinh lớp 1 (dạy nền nếp học tập, sử dụng kí hiệu trong quá trình dạy học, hướng dẫn học sinh cách sử dụng bút, thước, bảng con, sách, vở, tư thế ngồi viết...), thường xuyên rèn kỹ năng nghe, nói (phát âm) viết chính tả cho học sinh lớp 1,2,3.

Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy tập làm văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp.

Thực hiện linh hoạt các giải pháp nâng cao chất lượng nghe, nói, đọc viết cho học sinh trong quá trình giảng dạy các môn học cho học sinh, tổ chức các hoạt động giao lưu tiếng Việt, ngày hội đọc sách, Nhà trường thường xuyên duy trì thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động của nhà trường.

Tổ chức các trò chơi dân gian và các hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

Chế độ cho học sinh được thực hiện đúng theo quy định: xét đúng đối tượng và cấp phát chế độ kịp thời.

Chất lượng giáo dục cuối năm học 2021-2022

Chuyên lớp và hoàn thành chương trình Tiểu học 479/479 đạt 100% Chất lượng 02 môn Toán và tiếng việt:

TT	Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Tiếng Việt	224	46,8%	255	53,2%	0	0
2	Toán	228	47,6%	251	52,4%	0	0

+ Học sinh được khen thưởng là: $233/479 = 48,6\%$

Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học là 104/104 em, đạt 100%.

- Chất lượng các hội thi năm học 2022-2023:

+ Thi giải Toán trên Internet cấp trường: 28 em đạt giải

+ Thi giải Toán trên Internet cấp huyện: 26 em đạt giải

+ Thi tiếng Anh trên Internet cấp trường: 02 em đạt giải

+ Thi tiếng Anh trên Internet cấp huyện: 01 em đạt giải

+ Thi tiếng Anh trên Internet cấp Tỉnh: 01 em đạt giải

+ Tham gia thi tiếng Anh trên Internet cấp Quốc gia: 01 em

+ Học sinh đăng ký tham gia giao lưu môn Toán và Tiếng Việt khối 4,5 cấp huyện: 10 em

Nhà trường luôn chú trọng và tạo điều kiện cho học sinh được chăm sóc, giáo dục tốt nhất trong những năm tháng đầu cấp; được tăng cường tiếng Việt, được chuẩn bị tốt về thể chất, tâm lý sẵn sàng đi học; luôn quan tâm đến chính sách hỗ trợ đối với các em, ưu tiên đầu tư bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất trường, lớp học và thiết bị dạy học, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động mọi nguồn lực tại chỗ, đồng thời tăng cường liên kết các nguồn lực khác,...nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển giáo dục rút ngắn khoảng cách vùng, miền, bảo đảm công bằng trong giáo dục, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, bảo tồn và phát huy bền vững các giá trị văn hóa.

** Đẩy mạnh giao quyền tự chủ và chịu trách nhiệm giải trình đối với các cơ sở giáo dục. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.*

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kế hoạch dạy học và giáo dục theo quy định, đảm bảo sự tham gia của các lực lượng bộ quản lí, giáo viên, nhân viên, HS, cha mẹ HS, cộng đồng xã hội... để giúp nhà trường huy động được các nguồn lực và cộng đồng trách nhiệm trong việc xây dựng, thực thi và giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

Thực hiện dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch về chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, phù hợp với loại hình nhà trường và quy định của pháp luật về trách nhiệm quản lí nhà nước về giáo dục; được tiếp nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân để nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nhà trường bảo đảm rõ về mục đích tài trợ và sử dụng các nguồn tài trợ đúng mục đích, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

Vận động, kêu gọi, huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học thực hiện hiệu quả chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 và đảm bảo điều kiện thực hiện nhiệm vụ của ngành Giáo dục trong bối cảnh các bệnh dịch đang bùng phát.

** Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục các cấp:*

- Thuận lợi: Đội ngũ cán bộ quản lí có trình độ chuẩn. Trường có đủ tỉ lệ giáo viên/lớp theo quy định

Hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; bảo đảm số

lượng và chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu thực tiễn;

Việc thực hiện bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục xuyên suốt năm học, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp và thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới 2018; gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng.

Thực hiện tốt Đề án “Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” ban hành kèm theo Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh;

Thực hiện kế hoạch lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tỉnh Điện Biên giai đoạn 1 (2020-2025) ban hành kèm theo Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của UBND tỉnh: Hiện tại 08 giáo viên vừa hoàn thành lớp Đại học .

- Hạn chế: Còn 02 giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn (01 giáo viên đang theo học lớp Đại học). Một số giáo viên tuổi nghề cao, khả năng UDCNTT để dạy học Online còn hạn chế.

- Giải pháp khắc phục:

Đổi mới trong việc Tiếp tục tăng cường nhận thức, công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, tác phong cho giáo viên.

Xây dựng quy chế làm việc khoa học nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động trong nhà trường.

Xây dựng củng cố hoạt động của tổ chuyên môn, nâng cao ý thức tự học, tự sáng tạo của giáo viên trong nhà trường.

Tăng cường công tác kiểm tra của Ban giám hiệu và của tổ chuyên môn.

Nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong quá trình chỉ đạo các phong trào của đơn vị nhà trường.

Chỉ đạo quản lý bằng biện pháp đẩy mạnh công tác thi đua khen thưởng.

** Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo*

- Công tác rà soát, đầu tư, bảo quản CSVC, TBDH để thực hiện chương trình GDPT 2018:

Ngay từ tháng 8, nhà trường tiến hành rà soát CSVC. Thống kê các tài sản đã hư hỏng không sử dụng được, lập danh sách xin thanh lý, các đồ dùng dụng cụ hỏng hóc nhẹ, có khả năng còn tái sử dụng được nhà trường tiến hành cho sửa chữa, tôn tạo.

Tăng cường thu hút các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực xã hội hóa đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Nhà trường luôn căn cứ thực trạng quy mô, CSVC, trang thiết bị giáo dục và đào tạo; kế hoạch phát triển số lượng học sinh; quy hoạch mạng lưới trường lớp ở địa phương và định hướng mục tiêu xây dựng đầu tư CSVC, thiết bị trường học để tính toán xác định số lượng phòng học cần xây dựng, sửa chữa, nâng cấp và khối lượng các loại trang thiết bị mua sắm trong năm. Đặc biệt chú trọng yêu cầu duy trì CSVC trường học theo yêu cầu trường đạt chuẩn quốc gia.

Về thiết bị dạy học, căn cứ kết quả kiểm tra rà soát, đánh giá thực trạng CSVC, thiết bị dạy học và các quy định, văn bản hướng dẫn về mua sắm trang thiết bị dạy học của phòng Giáo dục và Đào tạo, mua sắm bổ sung và thay thế trang thiết bị dạy học.

Tăng cường công tác quản lý xây dựng cơ sở vật chất để phục vụ tốt việc sử dụng vào dạy học. Tích cực tham mưu xin nguồn vốn để bổ sung và xây dựng cơ sở vật chất nhà trường đã xuống cấp.

Thường xuyên cải tạo và tu sửa khuôn viên nhà trường, tăng cường trồng cây xanh bóng mát sân trường, cây xanh trong lớp học. Tham mưu với ngành cấp trên và dành kinh phí tiết kiệm của đơn vị để mua sắm bổ sung những thiết bị đã hư hỏng, thiết bị còn thiếu.

Cùng với sự đầu tư của các chương trình, dự án bằng nguồn ngân sách của Nhà nước, các tổ chức, cá nhân đã tích cực tham gia đóng góp nhân lực, vật lực trong việc xây dựng trường lớp cơ bản là đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng, xây dựng cảnh quan môi trường giáo dục. Trường cơ bản đủ và đáp ứng về cơ sở, trang thiết bị mỗi khối lớp đã đủ ít nhất 01 bộ. Trường duy trì và giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia.

Nhà trường đã thành lập hội đồng và tiến hành tổ chức thẩm định, lựa chọn sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông mới đối với lớp 4 trong năm học 2023 - 2024 phù hợp với kế hoạch giáo dục và điều kiện thực tiễn, bảo đảm công khai, minh bạch. Tổ chức tập huấn giáo viên, cán bộ quản lý sử dụng sách giáo khoa lớp 4, soạn giảng dạy thử và tổ chức sinh hoạt chuyên môn về nghiên cứu chương trình sách giáo khoa lớp 4.

Tiếp tục tham mưu thực hiện lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 với Kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

- Công tác lựa chọn SGK lớp 1, 2, 3, 4 CTGDPT 2018:

Nhà trường đã tổ chức cho tập thể giáo viên nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của các cấp về chương trình GDPT 2018, cụ thể:

Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Ban hành chương trình giáo dục phổ thông.

Thông tư 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 01 năm 2020 của Bộ GD&ĐT Hướng dẫn việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Thông tư 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ GD&ĐT Quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên Phê duyệt Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Điện Biên.

Nhà trường lựa chọn sách giáo khoa lớp 1, 2, 3, 4 theo đúng quy trình lựa chọn sách giáo khoa theo Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT; thông tư 25/2020/TT-BGDĐT.

2.2. Đánh giá chung tình hình thực hiện các chính sách của Nhà nước và

của địa phương đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, đối với học sinh: Có biểu chi tiết kèm theo.

2.3. Tình hình thực hiện Nghị quyết số 35/2019/NQ-CP và công tác xã hội hóa giáo dục: Có biểu chi tiết kèm theo.

3. Đánh giá thực hiện chi ngân sách thường xuyên cho đơn vị

Ngay từ đầu năm đơn vị đã chủ động ban hành các quy chế như Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý và sử dụng tài sản, trang thiết bị, các Kế hoạch thực hiện các chương trình chính sách được giao, bám sát các chế độ chính sách, tiêu chuẩn, định mức cho viên chức đảm bảo theo quy định; thực hiện nghiêm túc quy trình công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của cơ quan.

Dự kiến hoàn thành các nội dung theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra. Các khoản chi thường xuyên như tiền lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp BHXH, BHYT, KPCĐ, công tác phí ... được thanh toán đảm bảo đúng thời gian và đều thực hiện thanh toán qua kho bạc nhà nước bằng hình thức chuyển khoản, hạn chế rút tiền mặt về quỹ.

Thực hiện nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý sử dụng ngân sách, tài sản, tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm... tận dụng tối đa việc chuyển văn bản qua hệ thống quản lý văn bản, thư điện tử.

Tập thể cán bộ GV Nhân viên trong đơn vị thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ trong việc quản lý và sử dụng kinh phí thường xuyên nhằm tiết kiệm kinh phí, bảo đảm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đúng quy định hiện hành. Việc ban hành Chương trình tiết kiệm chống lãng phí, Kế hoạch thực hành tiết kiệm chống lãng phí được đơn vị thực hiện ngay từ đầu năm và định kỳ đã xây dựng báo cáo thực hiện theo đúng thời gian và hình thức. Cán bộ GV Nhân viên trong đơn vị đã nêu cao tinh thần THPT, CLP trong việc thực hiện nề nếp tại nơi làm việc và trong các công việc chuyên môn được giao

4. Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị đề xuất

Công tác tuyên truyền chưa hiệu quả tối đa, một bộ phận nhân dân nhận thức chưa đầy đủ về giáo dục và đào tạo. Đôi lúc sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội còn mang tính phong trào, hình thức.

Còn nhiều gia đình kinh tế khó khăn, chưa quan tâm đến việc học của con em, còn phó mặc cho nhà trường nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục.

Quỹ đất tại điểm trường trung tâm còn hạn hẹp, thiếu sân chơi cho học sinh, nguồn nước không ổn định.

Vẫn còn giáo viên chưa đạt chuẩn theo luật giáo dục 2019.

Đội ngũ giáo viên chưa đồng đều, việc tiếp cận phương pháp dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 của một số nhỏ còn lúng túng, ngại thay đổi, vận dụng CNTT chưa thành thạo

Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của học sinh chưa cao

Chất lượng giáo viên sử dụng ngoại ngữ còn hạn chế

Nhà trường chưa tự chủ trong việc xây dựng tư sửa lớp học và các hạng mục lớn.

Trang thiết bị dạy học đã xuống cấp.

III. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm

2022, ước thực hiện năm 2023

1. Đánh giá thực hiện dự toán thu phí lệ phí, thu sự nghiệp

Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu năm 2022, ước thực hiện năm 2023 (*Có biểu chi tiết kèm theo*)

2. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách giáo dục và đào tạo tại địa phương

Năm 2021 ngân sách chi cho giáo dục và đào tạo:

Lập dự toán: 7.850.194.000 đồng

Phân bổ quản lý sử dụng dự toán: 7.842.147.778 đồng

Tổng số chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo : 7.842.147.778 đồng

Trong đó: Chi thường xuyên: 6.124.397.778 đồng

Chi không thường xuyên: 1.717.750.000 đồng

Lương và các khoản phụ cấp cấp đủ cho sự nghiệp giáo dục

Năm 2022 ngân sách chi cho giáo dục và đào tạo:

Lập dự toán: 8.828.043.000 đồng

Phân bổ quản lý sử dụng dự toán: 8.827.726.973 đồng

Tổng số chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo : 8.827.726.973 đồng

Trong đó: Chi thường xuyên: 6.505.119.000 đồng

Chi không thường xuyên: 2.322.607.973 đồng

Năm 2023 ngân sách chi cho giáo dục và đào tạo:

Lập dự toán: 7.865.755.920 đồng

Phân bổ quản lý sử dụng dự toán: 7.865.755.920 đồng

Tổng số chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo : 7.865.755.920 đồng

Trong đó: Chi thường xuyên: 6.606.820.000 đồng

Chi không thường xuyên: 1.258.935.920 đồng

Nguồn thực hiện cải cách tiền lương chuyển sang 2023: 86.060.000 đồng

Lương và các khoản phụ cấp cấp đủ cho sự nghiệp giáo dục

3. Đánh giá thực hiện chi ngân sách thường xuyên cho GDĐT

3.1 Tình hình phân bổ ngân sách

- Đánh giá việc thực hiện xã hội hóa giáo dục:

Thuận lợi: Đại đa số nhân dân quan tâm đến giáo dục, ủng hộ cho công tác giáo dục xã nhà.

Khó khăn: Một bộ phận nhân dân điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn nên việc huy động xã hội hóa giáo dục còn nhiều khó khăn.

b) Đánh giá việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo về số đối tượng thụ hưởng và kinh phí chi trả gồm:

Công tác triển khai, thực hiện các chính sách đối với cơ sở :

Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ;

Chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính;

Chính sách hỗ trợ cho học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ;

Các chế độ chính sách trên đảm bảo cho việc học học tập của học sinh học tại vùng khó khăn, tồn tại ngân sách cấp trong năm chưa được kịp thời, cấp trong năm còn thiếu phải nợ lại sang năm khác .

c) Về kết quả thực hiện các chương trình, dự án năm 2022

- Thực hiện tốt *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non, phổ thông giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ...*);

- Tuyên truyền tới phụ huynh học sinh về Chương trình GDPT 2018 giúp nâng cao nhận thức của nhân dân về lộ trình thực hiện chương trình GDPT, từ đó nhân dân đồng thuận với nhà trường về Kế hoạch giáo dục sẽ được triển khai. Kêu gọi nhân dân tự mua sách giáo khoa cho con em mình học tập.

d) Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư mua sắm thiết bị dạy học, tăng cường cơ sở vật chất sử dụng kinh phí sự nghiệp tại địa phương (*tiến độ, kết quả, khó khăn, thuận lợi trong việc thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học*).

- Nhà trường có kế hoạch tham mưu với cấp trên mua sắm đầy đủ trang, thiết bị dạy học chương trình GDPT 2018.

4. Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị đề xuất về cơ chế chính sách trong quản lý đầu tư, tài chính lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Không.

Phần 2

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

I. Thực hiện Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo

1. Các chỉ tiêu được giao năm 2023 (năm học 2023-2024)

Các chỉ tiêu được giao trong Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 và kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm học 2022

Số lớp	20
Số học sinh	480
- Tỷ lệ học sinh 6 tuổi vào lớp 1	100
- Tỷ lệ học sinh 6-10 tuổi học	99,98
- Tỷ lệ học sinh nữ/tổng số học sinh	49,4
- Tỷ lệ học sinh bỏ học	0
- Tỷ lệ học sinh lưu ban	0
- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình TH	100
- Tỷ lệ học sinh đi học chung cấp tiểu học	100
- Tỷ lệ TE ngoài nhà trường ở độ tuổi đi học TH	0

2. Dự ước kết quả thực hiện

Về quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục.

Tổng số lớp: 20 lớp với 480 học sinh trong đó:

Điểm trường	Số lớp	Số HS	Lớp 1	Số HS	Lớp 2	Số HS	Lớp 3	Số HS	Lớp 4	Số HS	Lớp 5	Số HS
Trung tâm	14	376	2	45	2	41	3	86	4	108	3	96
Háng Lìa	2	35	1	18	1	17						

Pu Ca	1	17	0	7	1	10						
Công Trời	1	8	1	5	0	3						
Chiêu Ly	1	23	0	9	1	14						
Thèn Pả	1	21	0	8	1	13						
Tổng số	20	480	4	92	6	98	3	86	4	108	3	96

Thực hiện tuyển mới khối lớp 1: 92 học sinh

Năm học 2023-2024 nhà trường tiếp tục tuyển sinh các HS lớp 1 các xã về học tại trường. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho HS thuộc diện chính sách ưu tiên: Con hộ nghèo, cận nghèo, con mồ côi, Khuyết tật, HS dân tộc ...

Các tiêu chí

- + Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 100%
- + Tỷ lệ trẻ 6 => 10 tuổi học tiểu học: 100%
- + Tỷ lệ trẻ 11 tuổi vào lớp 6: 100 %
- + Tỷ lệ HS bỏ học 0 %
- + Tỷ lệ HS lưu ban là 0 %
- + Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình TH là 100 %
- + Số Học sinh/ trên lớp Tiểu học: 24 học sinh

Năm học 2023 - 2024 tập trung duy trì đảm bảo và nâng cao các tiêu chuẩn, tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia và đạt chất lượng giáo dục ở mức độ I.

Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên.

+ Tổng số: 43 CBGV,NV. Trong đó CBQL giáo dục: 04, tổng số GV: 30, nhân viên: 3; TPT đội : 1. Nhân viên hợp đồng ngoài biên chế: bảo vệ: 2, nhân viên nuôi dưỡng 03; 100% cán bộ, giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn.

- + Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo là 96.8%;
- + Tỷ lệ giáo viên đạt Giáo viên dạy giỏi từ cấp trường trở lên 90%, trong đó cấp huyện là 29%; cấp tỉnh là 5%.
- + Tỷ lệ cán bộ quản lý đã qua đào tạo bồi dưỡng đạt 100%.

- Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

+ Duy trì giữ vững chuẩn công tác PCTH cấp độ III; đảm bảo 100% học sinh được học môn ngoại ngữ và tin học.

+ Duy trì giữ vững nâng cao các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia mức độ

I

- Xây dựng nông thôn mới: Thực hiện đảm bảo theo kế hoạch.

- Cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học:

Tiếp tục mở rộng sân chơi, bãi tập phục vụ đủ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Mở rộng quỹ đất tại điểm trung tâm, xây dựng thêm các phòng học, phòng chức năng.

- Dạy và học ngoại ngữ: Tiếp tục thực hiện theo đề án dạy học ngoại ngữ hệ 10 năm.

- Các hoạt động khác: Tăng cường giáo dục kĩ năng sống, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, tăng cường giáo dục và tuyên truyền về trường học an toàn, bình đẳng giới...

3. Các chỉ tiêu cần thực hiện điều chỉnh và nguyên nhân phải điều

chính.

Điều chỉnh so với kế hoạch giao về Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình TH là 100 %. Nhà trường cam kết đảm bảo 100% số trẻ trong độ tuổi hoàn thành chương trình TH

II. Dự ước tình hình thu chi ngân sách giáo dục năm 2023

Lương và các khoản đóng góp: 6.333.920.000 triệu đồng

Chi mua sắm thiết bị: 68.670.000 triệu đồng

Chi cải tạo sửa chữa: 270.000.000 đồng

Chi khác: 204.230.000 triệu đồng

Phần 3

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 3 NĂM 2023-2025, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo năm 2024 (năm học 2024-2025)

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ xây dựng kế hoạch là các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định của cấp ủy, chính quyền từ Trung ương đến tỉnh, huyện về phát triển kinh tế - xã hội, phát triển giáo dục-đào tạo và dạy nghề hàng năm, bao gồm:

- Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 3243/KH-UBND ngày 06/11/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế và Kế hoạch số 82-KH/TU ngày 27/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Văn bản số 143-TB/BCS ngày 19/9/2019 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về chủ trương sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố;

- Kế hoạch số 1879/KH-SGDĐT ngày 24/9/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 16/03/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 2235/KH-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

- Các mục tiêu, chỉ tiêu giáo dục chủ yếu đến năm 2025 của ngành Giáo dục và Đào tạo trình Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XIV, gồm: Tỷ lệ huy động dân số từ 3 đến 5 tuổi học mẫu giáo đạt 99,2%; dân số 5 tuổi học mẫu giáo đạt

99,9%; dân số 6-10 tuổi học tiểu học đạt 99,8%; dân số 11-14 tuổi học THCS đạt 96,6%; dân số 15-18 tuổi học THPT và tương đương đạt trên 70%; Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 99%; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt trên 99,5%; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đạt trên 97%; Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt trên 75%; tỷ lệ trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trên 70%. Duy trì vững chắc kết quả xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi. Đến năm 2023 tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; đến năm 2025 tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3. Trên 75% phòng học kiên cố hóa và 70% phòng nội trú được kiên cố hóa;

- Chỉ tiêu thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2025 thuộc lĩnh vực giáo dục (tại Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của UBND tỉnh), gồm: Tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học đạt trên 99,0%; Tỷ lệ người DTTS hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 99,0%; Tỷ lệ người DTTS biết chữ trong độ tuổi từ 15 tuổi đến 60 tuổi đạt trên 95%; Tỷ lệ nữ người DTTS biết chữ trong độ tuổi từ 15 tuổi đến 60 tuổi đạt trên 90%; Tỷ lệ học sinh nữ DTTS ở cấp tiểu học, THCS, THPT đạt trên 48%;

- Các chỉ tiêu cơ bản phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Điện Biên (tại Văn bản số 3117/SGDDĐT-KHTC ngày 25/11/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo), gồm: Tỷ lệ học sinh đi học chung cấp tiểu học đạt 101,2%; Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường ở độ tuổi đi học tiểu học dưới 0,2%; Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp tiểu học đạt trên 97%; Tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên THCS đạt 99,9%; Tỷ lệ học sinh đi học chung cấp THCS đạt 100,6%; Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường ở độ tuổi đi học THCS dưới 3,6%; Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp THCS đạt trên 99,2%; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi đến trường được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội đạt 94,7%; Tỷ lệ trường học có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại, cung cấp các kiến thức về HIV đạt 100%; Tỷ lệ trường có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với trẻ em khuyết tật đạt 6% đối với trường mầm non, đạt 70% đối với trường Tiểu học, đạt 65% đối với trường THCS, đạt 65% đối với trường THPT; Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ đạt 97,5%; Tỷ lệ dân số 15 đến 60 tuổi mù chữ tham gia các lớp xóa mù chữ mức độ 1 đạt 50%, mức độ 2 đạt 40%.

2. Xây dựng các chỉ tiêu phát triển giáo dục

2.1. Mục tiêu

- Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ đối với CBGV nhà trường. Xây dựng nhà trường phát triển về chất lượng. Đảm bảo tốt các điều kiện dạy học; Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Xây dựng nhà trường duy trì đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1; có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến, điển hình, phù hợp với xu thế phát triển chung của ngành, của huyện, tỉnh của đất nước trong thời kỳ hội nhập.

- Huy động trẻ trong độ tuổi của xã đến trường đạt 100%. Tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần đạt 99% trở lên;

2.2. Chỉ tiêu

- Huy động trẻ trong độ tuổi của xã đến trường đạt 100%.
- Tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần đạt 99% trở lên.
- Tỷ lệ học sinh bỏ học: Không
- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo là 96.8%, trong đó tỷ lệ cán bộ quản lý trên chuẩn là 100%.

- Tỷ lệ cán bộ quản lý (từ tổ phó tổ chuyên môn trở lên) đã qua đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý đạt 100%.

- Cải tạo nâng cấp, tôn tạo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, cảnh quan, môi trường đảm bảo duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

- Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phấn đấu tỷ lệ học sinh Hoàn thành xuất sắc nội dung học tập đạt trên 28%; tỷ lệ học sinh có thành tích vượt trội và học sinh tiêu biểu về một môn học trên 30%.

2.3. Nhiệm vụ

- Huy động 100% số trẻ 6 tuổi vào lớp 1. Duy trì số lượng HS đạt 100%. Huy động các nguồn lực các biện pháp nhằm làm tốt công tác tuyển sinh, huy động và duy trì số lượng học sinh trong độ tuổi ra lớp, không có HS bỏ học giữa chừng trong năm học.

** Nâng cao chất lượng Giáo dục và Đào tạo :*

- Hoàn thành chương trình lớp học 99% trở lên

- Hoàn thành chương trình tiêu học 100%.

** Phấn đấu khen thưởng cuối năm toàn trường đạt như sau:*

- HS hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện: trên 28%

- HS có thành tích vượt trội, tiêu biểu trên 30%

- Khen thưởng HS có thành tích trong các hoạt động phong trào 6% trở lên

** Chất lượng đội ngũ :*

Tổng số CBGVNV là 40: CBQL 04; Giáo viên: 31; Nhân viên: 05 (01 Kế toán, 01 Y tế, 01 thư viện, 02 bảo vệ).

- Tăng cường công tác GD tư tưởng đội ngũ: Về phẩm chất đạo đức, lối sống. Tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

- Không ngừng tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực sư phạm, khả năng quản lý chỉ đạo đơn vị.

- GV giỏi các cấp: 28/31, tỷ lệ 90.3%.

- Số đề tài sáng kiến công nhận cấp huyện: từ 06 đề tài trở lên.

- 100% giáo viên được đánh giá hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên từ đạt yêu cầu trở lên

- 100% cán bộ, giáo viên được đánh giá đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

- 100% CBGVNV sử dụng CNTT và 100% tham gia giờ dạy UDCNTT.

- 100% GV tham gia giờ dạy UDCNTT.

- Số đồ dùng dạy học làm thêm: Mỗi GV làm thêm 2 đồ dùng dạy học trong năm học.

- CB quản lý tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng quản lý giáo dục đạt 100%.

- Tăng cường phụ đạo, bồi dưỡng học sinh giỏi giảm tỷ lệ học sinh chưa đạt chuẩn KTKN.

- Tăng cường giáo dục phẩm chất, giáo dục pháp luật cho học sinh.

- Thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành.

Phấn đấu xếp loại xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”; Trường học đảm bảo an toàn, an ninh trật tự.

- Xây dựng, cải tạo nâng cấp, tôn tạo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, cảnh quan môi trường duy trì tiêu chuẩn trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Huy động các nguồn lực từ công tác xã hội hóa dành cho đầu tư phát triển nhà trường.

**. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học, xây dựng cảnh quan môi trường; xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường đạt chuẩn chất lượng:*

- Tiếp tục tham mưu với các cấp tu sửa, tôn tạo cơ sở vật chất cho nhà trường, sửa chữa nâng cấp đường điện, đầu tư thêm máy tính, máy chiếu, máy photo, tăng âm loa đài, trang thiết bị hạ tầng để phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Cấp phát bộ đồ dùng thiết bị đồng bộ cho các khối lớp theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

** Công tác Phổ cập Giáo dục Tiểu học, Xóa mù chữ*

- Duy trì các chỉ tiêu đạt chuẩn Phổ cập GDTH mức độ 3 và Xóa mù chữ mức 2 ở mức vững chắc.

- Thực hiện điều tra và cập nhật số liệu phổ cập hàng năm theo quy định của Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục - xóa mù chữ.

- Hoàn thành hồ sơ đề nghị duy trì chuẩn phổ cập GDTH. Huy động 100% số trẻ trong độ tuổi ra lớp.

**. Đổi mới, nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ :*

- Tạo điều kiện cho giáo viên tiếng Anh được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ.

- Tiếp tục thực hiện chương trình Tiếng Anh bắt buộc 4 tiết/tuần (đối với HS lớp 3, 4, 5) và 2 tiết/tuần Tiếng Anh tự chọn (đối với HS lớp 1, 2).

- Sử dụng có hiệu quả phòng học ngoại ngữ, tích cực UDCNTT vào giảng dạy, dạy học theo hướng phân hóa, phát huy tích cực của người học, chú trọng cả 4 kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết.

- Khuyến khích HS tham gia các cuộc thi Tiếng Anh trên mạng để nâng cao kiến thức, kỹ năng môn học. Chất lượng đại trà luôn được quan tâm và 99% số học sinh đạt chuẩn KT-KN môn học.

**. Công tác xã hội hóa Giáo dục và Đào tạo*

- Tiếp tục huy động các nguồn lực từ nhân dân để tu sửa, cải tạo cảnh quan trường lớp. Phấn đấu đạt trên 100 triệu đồng/ năm.

- Sử dụng quỹ thi đua khen thưởng hiệu quả nhằm khích lệ, động viên HS điển hình tiên tiến.

**. Công tác thông tin, truyền thông*

Tiếp tục sử dụng có hiệu quả mạng hồ sơ công việc, gmail trong công tác quản lý điều hành công việc. Trang Webster của nhà trường thường xuyên được

đăng tin, bài về các hoạt động của nhà trường, bài giảng trình chiếu, sản phẩm UDCNTT, bài giảng Elearning, đề tài sáng kiến ... nhằm chia sẻ thông tin, học tập về chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên, giới thiệu các hoạt động, chất lượng của nhà trường ...

** Thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh, cán bộ, giáo viên*

- Tiếp tục thực hiện các văn bản chỉ đạo của các cấp về chế độ chính sách đối HS con hộ nghèo, HS khuyết tật đảm bảo đúng đối tượng.

- Đảm bảo chế độ tiền lương, tăng lương trước thời hạn, tăng lương định kì, thâm niên và các chế độ khác nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời đúng quy định của Nhà nước.

3. Xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của địa phương, của ngành giáo dục năm học 2024-2025

3.1. Phương hướng

Tiếp tục phát triển mạng lưới trường lớp, huy động tối đa học sinh ra lớp, đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo.

Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ, công chức, viên chức đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng, đặc biệt quan tâm nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn cho giáo viên nòng cốt trong nhà trường.

Duy trì, giữ vững, nâng cao chất lượng phổ cập GDTH - CMC, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập XMC mức độ 2.

3.2. Chỉ tiêu

Năm học 2024- 2025 tập trung duy trì đảm bảo và nâng cao các tiêu chuẩn, tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia và đạt chất lượng giáo dục ở mức độ I.

- Mạng lưới trường lớp:

+ Số lớp học: 20 lớp

+ Số học sinh: 489

+ Tỷ lệ học sinh/lớp: 24.5 HS/1 lớp. Cụ thể:

Điểm trường	Số lớp	Số HS	Lớp 1	Số HS	Lớp 2	Số HS	Lớp 3	Số HS	Lớp 4	Số HS	Lớp 5	Số HS
Pu ca	1	19	1	12	0	7						
Háng Lìa	2	32	1	14	1	18						
Trung tâm	14	391	2	54	2	45	3	98	3	86	4	108
Cổng Trời	1	10	0	5	1	5						
Chiêu Ly	1	20	1	11	0	9						
Thềm pả	1	17	1	9	0	8						
Tổng số	20	489	6	105	4	92	3	98	3	86	4	108

- Tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học đạt 100%

- Tỷ lệ người DTTS hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100 %;

- 100% trẻ khuyết tật được ra lớp và học hòa nhập.

- Tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần đạt 100% không có học sinh bỏ học;

Nhà trường duy trì và giữ vững PCGDTH mức độ 3, phổ cập GDXMC mức độ 2.

Duy trì và tiếp tục xây dựng các tiêu chí trường đạt Kiểm định CLGD cấp độ II; trường duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I; Thư viện nhà trường duy trì Thư viện nhà trường đạt chuẩn.

Duy trì phát triển và mở rộng quy mô trường lớp, tăng cường các biện pháp huy động trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 (đặc biệt quan tâm đến trẻ em nữ dân tộc). Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình GDPT 2018.

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động của người học nhằm phát huy khả năng sáng tạo, kích thích học tập, tạo điều kiện để mọi học sinh được bộc lộ khả năng và năng lực của bản thân. Tạo điều kiện thuận lợi để trẻ khuyết tật được học tập theo hình thức giáo dục hòa nhập.

Tiếp tục duy trì dạy học 2 buổi/ngày, tăng cường dạy Tiếng Việt cho học sinh dân tộc, tăng cường kiểm tra, chỉ đạo sát sao nhằm nâng cao chất lượng của giáo viên.

Thực hiện dạy và học ngoại ngữ, tin học bắt buộc cho học sinh lớp 3,4,5.

Duy trì đảm bảo sĩ số học sinh, phối hợp tốt với chính quyền địa phương huy động tối đa học sinh trong độ tuổi ra lớp.

Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, phổ biến tài liệu hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học, đưa nội dung đổi mới phương pháp dạy học là nội dung trọng tâm trong sinh hoạt chuyên môn. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy và quản lý.

3.3 Nhiệm vụ:

Tham mưu với Phòng giáo dục tiếp tục đầu tư, hoàn thiện trang thiết bị dạy học, trong đó tập trung đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất đảm bảo các chỉ tiêu trường chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, có kế hoạch sửa chữa kịp thời.

II. Xây dựng kế hoạch dự toán ngân sách năm 2022 và Kế hoạch tài chính 3 năm 2023-2025, kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025

(Biểu đính kèm)

III. Kiến nghị

1. Đối với UBND xã Sa Lông.

- Quan tâm tạo điều kiện hỗ trợ trong công tác phổ cập và duy trì nâng cao chất lượng trường chuẩn Quốc gia.

- Mở rộng quỹ đất tại điểm trường trung tâm.

2. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Tiếp tục bổ sung trang thiết bị dạy học, SGK, đồ dùng dụng cụ nấu ăn cho học sinh bán trú để nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm học.

- Mở các lớp tập huấn nâng cao năng lực kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ, khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm dạy học cho CB- GV- CNV trong nhà trường. Nâng cao chất lượng các trang Website.

3. Đối với UBND huyện

- Đầu tư xây dựng các hạng mục khối phòng học, phòng chức năng, nhà ở, nhà vệ sinh cho học sinh bán trú.

Trên đây là Kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm học

2024-2025 của trường PTDTBT tiểu học Sa Lông. Nhà trường rất mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ của UBND xã Sa Lông, Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà để trường Tiểu học Sa Lông thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 đã đề ra./.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ

HIỆU TRƯỞNG